

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 677/2021/DS-PT

Ngày: 08 - 12 - 2021

V/v Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thụy Xuân Vinh

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Cúc

Ông Trần Quang Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chế Hua - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Anh Nga – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 11 và ngày 08 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 584/2019/TLPT- DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 425/2019/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3665/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 8297/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2021 và Quyết định Tạm ngừng phiên tòa số 9082/2021/QĐPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị V, sinh năm: 1948.

Địa chỉ: số 19, đường số 58, Tổ 2, Ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Vương Q - Luật sư Văn phòng TV (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trình Ngọc T, sinh năm: 1975

Địa chỉ: số 527/12/12 Đường M, Tổ 20, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Xuân T, theo Văn bản ủy quyền số công chứng 018374 Quyển số 10 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/10/2019. (có mặt).

Địa chỉ: 362 Nguyễn Văn L, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1946

Địa chỉ: số 19, đường số 58, tổ 2, Ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Bà Trình Ngọc M, sinh năm: 1977

Địa chỉ: số 19, đường số 58, tổ 2, Ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Duy P, sinh năm: 1986

Địa chỉ: số 9/2A, phường K, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị V, trình bày:

Ngày 17/12/2015, bà Trình Ngọc T (là con gái ruột của bà Huỳnh Thị V) có mượn của bà Huỳnh Thị V số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để chuyển nhượng 62m² quyền sử dụng đất tại thửa đất số 407, tờ bản đồ số 18, xã Đ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn trả nợ: trong vòng 3 năm kể từ ngày mượn. Việc vay mượn có viết giấy tay.

Để đảm bảo cho việc trả số nợ trên, bà Trình Ngọc T đã thế chấp cho bà Huỳnh Thị V bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00451 do Ủy ban nhân dân huyện HM cấp ngày 08/5/2015 đã mua trên.

Tuy nhiên, đến hạn trả nợ bà Trình Ngọc T nói không có mượn tiền và đòi bà Huỳnh Thị V trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00451 do Ủy ban nhân dân huyện HM cấp ngày 08/5/2015. Do vậy, bà Huỳnh Thị V khởi kiện yêu cầu buộc bà Trình Ngọc T phải trả cho bà số tiền đã mượn 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trình Ngọc T, trình bày:

Bà Trình Ngọc T là con gái ruột của bà Huỳnh Thị V. Bà Trình Ngọc T không có mượn số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) của bà Huỳnh Thị V.

Diện tích đất tại xã Đ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh là do gia đình nhà chồng cho bà Trình Ngọc T. Vì vậy, không có cơ sở để cho rằng bà Trình Ngọc T mượn tiền bà Huỳnh Thị V để mua diện tích đất trên.

Sở dĩ, có việc viết Giấy mượn tiền và Giấy trả tiền giữa bà Trình Ngọc T và bà Huỳnh Thị V: Là nhằm mục đích đối phó với chồng bà Trình Ngọc T, trong trường hợp xảy ra việc ly hôn giữa vợ chồng bà Thanh có liên quan đến tranh chấp đến tài sản.

Do vậy, bà Trình Ngọc T không đồng ý trả số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) cho bà Huỳnh Thị V, vì thực tế không có việc vay mượn này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 425/2019/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận G quyết định:

Buộc bà Trình Ngọc T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị V số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà V có nghĩa vụ trả lại bà Thanh bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ giấy chứng nhận: CH00451 do Ủy ban nhân dân huyện HM cấp ngày 08/5/2015 ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2019, bà Trình Ngọc T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Trình Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị V.

- Bà Huỳnh Thị V trình bày: Trong khi chờ đợi xét xử phúc thẩm, ngày 31/12/2019 bà Trình Ngọc T có yêu cầu bà Huỳnh Thị V cho mượn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ giấy chứng nhận: CH00451 do Ủy ban nhân dân huyện HM cấp ngày 08/5/2015; với lý do có người muốn mua lô đất này nên họ muốn xem bản chính. Nếu bán được bà Trình Ngọc T sẽ trả cho bà Huỳnh Thị V số tiền nợ 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Ngày 20/4/2020, bà Trình Ngọc T mượn bà Huỳnh Thị V bản chính sổ hộ khẩu. Ngày 31/12/2019, bà Trình Ngọc T trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp lại cho bà Huỳnh Thị V. Nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vừa trả này là giấy giả.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - ông Võ Vương Q trình bày: Giấy trả tiền ngày 15/8/2016 có người làm chứng Nguyễn Duy P nhưng chưa giám định chữ ký của ông Nguyễn Duy P. Chưa làm rõ chứng cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00451 do Ủy ban nhân dân huyện HM cấp ngày 08/5/2015. Chưa xác minh và thu thập chứng cứ liên quan đến việc nhà thế chấp đã bán cho ông Nguyễn D. Do vậy, đề nghị tạm đình chỉ vụ kiện chuyển hồ sơ cho Công an điều tra làm rõ dấu hiệu làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức theo Điều 341 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định pháp luật trong quá trình thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: “Giấy trả tiền” đã được kết luận giám định hai lần là do bà Huỳnh Thị V ký nên không cần thiết tiếp tục giám định chữ ký của người làm chứng. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đề nghị: Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đơn kháng cáo của bà Trình Ngọc T trong hạn luật định nên hợp lệ.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Tại Đơn kháng cáo ngày 09/10/2019 bà Trình Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị V; với lý do: Không có việc vay mượn. Cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ và tổng thể chứng cứ vụ án, không xem xét yêu cầu của bà về việc giám định chữ ký của bà V trong giấy trả tiền lập ngày 15/8/2016.

[2.1.1] Xét Giấy mượn tiền ngày 17/12/2015 và Giấy trả tiền ngày 15/8/2016.

Căn cứ Kết luận giám định số 2341/C09B ngày 28/5/2019 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh; xét chữ viết trên “Giấy mượn tiền” đề ngày 17/12/2015. Kết luận về đối tượng giám định: ***Chữ viết có nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ: “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ...500.000.000” ...Người mượn tiền ký tên Trình Ngọc T” trên “Giấy mượn tiền” đề ngày 17/12/2015 (ký hiệu A) so với chữ viết mang tên Trình Ngọc T trên 08 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 là do cùng một người viết ra.***

Căn cứ Quyết định trưng cầu giám định số 5266/2020/QĐ-TCGD ngày 11/8/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Phòng Kỹ Thuật Hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh có Kết luận giám định số 1675/KLGD-TT ngày 15/9/2020. Kết luận về đối tượng giám định: ***Chữ viết họ tên “Huỳnh Thị V” dưới mục “Người cho mượn”, chữ ký mang tên “Huỳnh Thị V” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1) so với chữ viết họ tên “Huỳnh Thị V”, chữ ký của Huỳnh Thị V trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người viết, ký ra.***

Căn cứ Quyết định trưng cầu giám định số 7777/2020/QĐ-TCGD ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh có Kết luận giám định số 646/C09B ngày 06/7/2021. Kết luận về đối tượng giám định chữ viết họ tên, chữ ký bà Huỳnh Thị V trên

“Giấy Trả tiền” trong vụ án: *Chữ ký đứng tên Huỳnh Thị V, chữ viết họ tên “Huỳnh Thị V” dưới mục “Người cho mượn” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Huỳnh Thị V trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 là do cùng một người ký và viết ra.*

Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015: bà Huỳnh Thị V và bà Trình Ngọc T đã hoàn tất thỏa thuận vay mượn và thanh toán vay mượn.

[2.1.2] Xét việc thế chấp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ giấy chứng nhận: CH00451 do Ủy ban nhân dân huyện HM cấp ngày 08/5/2015.

Bà Huỳnh Thị V không chứng minh được việc vay mượn giữa bà V và bà Thanh có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00451 do Ủy ban nhân dân huyện HM cấp ngày 08/5/2015; cũng không chứng minh được việc bà V đã cho bà Thanh mượn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00451 và bà Thanh đã tráo trả bản giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00451 cho bà Huỳnh Thị V.

Bà Trình Ngọc T không thừa nhận việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00451 do Ủy ban nhân dân huyện HM cấp ngày 08/5/2015 để đảm bảo việc vay mượn và cũng không thừa nhận việc mượn và tráo trả Giấy chứng nhận bản chính. Bà Trình Ngọc T không có yêu cầu buộc bà Huỳnh Thị V trả lại bà Trình Ngọc T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00451 do Ủy ban nhân dân huyện HM cấp ngày 08/5/2015. Do vậy, Hội đồng xét xử không xét. Trong trường hợp các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết ở vụ việc khác.

[2.2] Xét Luật sư của nguyên đơn đề nghị tạm đình chỉ vụ kiện chuyển hồ sơ cho Công an điều tra làm rõ dấu hiệu làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức theo Điều 341 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Xét Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị: “Giấy trả tiền” đã được kết luận giám định hai lần là do bà Huỳnh Thị V ký nên không cần thiết tiếp tục giám định chữ ký của người làm chứng. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm: Là có căn cứ để chấp nhận.

[2.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Trình Ngọc T, cần sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị V có đề nghị miễn án phí sơ thẩm với lý do là người cao tuổi. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Huỳnh Thị V.

[2.5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn tạm ứng án phí kháng cáo phúc thẩm cho bà Trình Ngọc T.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 293, Khoản 2 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trình Ngọc T. Sửa bản án sơ thẩm.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị V về việc khởi kiện yêu cầu bà Trình Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) cho bà Huỳnh Thị V.

2. Về án phí:

2.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị V.

2.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001797 ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G cho bà Trình Ngọc T.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THA DS quận G;
- TAND quận G;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VP, HS.

Huỳnh Thụy Xuân Vinh